

Phần V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. — Những quy định này được thi hành thống nhất trong cả nước.

Mọi quy định đã có trước đây do Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Nhân dân các cấp ban hành trái với các quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 30. — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng [có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy định này, đề cụ thể hóa thành các quy chế, các chế độ thuộc phạm vi mình phụ trách và hướng dẫn thực hiện.

Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải có quy định cụ thể để vận dụng quy định này phù hợp với điều kiện và đặc điểm riêng của ngành mình.

Các cơ quan tuyên truyền có trách nhiệm phổ biến rộng rãi làm cho quần chúng hiểu đúng chủ trương, chính sách mới, và tích cực hưởng ứng.

T. M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
PHẠM HÙNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 ban hành bản Quy định về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981 ;

Đề thể chế hóa các chủ trương mới đã nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung ương Đảng đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải ;

Đề giải phóng mọi lực lượng sản xuất, huy động khả năng của nhân dân phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ sản xuất phục vụ đời sống và phục vụ xuất khẩu ;

Đề phát triển kinh tế tập thể, kết hợp chặt chẽ kinh tế tập thể với kinh tế quốc doanh.

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1. — Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

Điều 2. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. — Nghị định này thi hành kể từ ngày ban hành.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
PHẠM HÙNG

QUY ĐỊNH về chính sách đối với các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải.

(ban hành kèm theo Nghị định số 28-HĐBT ngày 9-3-1988 của Hội đồng Bộ trưởng).

Phần I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Kinh tế tập thể là thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Các đơn vị kinh tế tập thể gắn bó chặt chẽ với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong cơ cấu ngành kinh tế kỹ thuật và cơ cấu nền kinh tế quốc dân. Trên cơ sở phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, phải phát triển kinh tế tập thể, làm cho quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong các đơn vị kinh tế tập thể ngày càng được củng cố, hoàn thiện và phát huy đầy đủ tính ưu việt của nó so với kinh tế cá thể, kinh tế tư doanh.

Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi bằng các chính sách kinh tế nhằm khuyến khích các đơn vị kinh tế tập thể tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao trình độ quản lý để phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động, cải thiện đời sống của người lao động tăng thêm đóng góp cho Nhà nước, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước, bằng các chính sách kinh tế, hướng dẫn, giúp đỡ các đơn vị kinh tế tập thể phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải; đồng thời dựa trên hiệu quả kinh tế mà đẩy mạnh việc phân công chuyên môn hóa, hiệp tác hóa giữa các đơn vị kinh tế tập thể với các đơn vị kinh tế quốc doanh, giữa các vùng, giữa các ngành sản xuất.

Điều 2. — Đơn vị kinh tế tập thể là đơn vị kinh tế tự quản của tập thể xã viên như có tư liệu sản xuất và các vốn khác, tự quyết định mọi vấn đề sản xuất kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về thu nhập và lỗ lãi.

Đơn vị kinh tế tập thể có tư cách pháp nhân và địa vị pháp lý trước pháp luật.

Điều 3. — Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu tài sản và thu nhập hợp pháp của đơn vị kinh tế tập thể, của người lao động

là thành viên của các đơn vị kinh tế này. Mọi hành vi xâm phạm các quyền đó đều bị xử lý theo pháp luật.

Điều 4. — Đơn vị kinh tế tập thể có nghĩa vụ nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước và nộp thuế đúng quy định.

Tất cả các đơn vị kinh tế tập thể phải theo chế độ kế toán, thống kê của Nhà nước, phải sử dụng sổ sách kế toán có đăng ký với cơ quan tài chính và hóa đơn do cơ quan tài chính phát hành; Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê quy định cụ thể chế độ kế toán, thống kê phù hợp với mỗi loại đơn vị kinh tế tập thể.

Điều 5. — Những người có vốn, những người có kỹ thuật, chuyên môn và những người lao động, không phải là cán bộ công nhân viên tại chức, có quyền tự nguyện tập hợp lại thành một đơn vị kinh tế tập thể.

Tất cả các đơn vị kinh tế tập thể đang hoạt động, hay mới thành lập, đều có quyền tự lựa chọn một trong các hình thức tổ chức phù hợp nêu dưới đây, có thể xin giải thể, thay đổi quy mô hoặc thay đổi hình thức tổ chức, không ai được gò ép.

a) Hợp tác xã bậc cao.

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác thuộc sở hữu tập thể phải chiếm phần lớn trong tổng số vốn của hợp tác xã và ngày càng phát triển bằng quỹ tích lũy trích từ lợi nhuận. Ngoài ra, hợp tác xã có thể gọi cổ phần của xã viên và của những người ngoài hợp tác xã để phát triển sản xuất.

— Chủ nhiệm và Ban quản trị hợp tác xã do Đại hội xã viên bầu ra.

— Việc sản xuất kinh doanh phải theo Điều lệ hợp tác xã và theo Nghị quyết Đại hội xã viên.

— Thu nhập của xã viên được phân phối chủ yếu theo lao động.

— Vốn cổ phần được chia lợi nhuận theo quyết định của Đại hội xã viên.

b) Hợp tác xã bậc thấp.

— Tư liệu sản xuất và các vốn khác do xã viên góp cổ phần chiếm phần lớn trong tổng số vốn của hợp tác xã, phần còn lại là sở hữu tập thể ngày càng phát triển bằng quỹ tích lũy trích từ lợi nhuận. Hợp tác xã có thể gọi thêm cổ phần của người ngoài hợp tác xã.

— Chủ nhiệm và Ban quản trị hợp tác xã do Đại hội xã viên bầu ra.

— Việc sản xuất kinh doanh phải theo Điều lệ hợp tác xã và theo Nghị quyết Đại hội xã viên.

— Thu nhập được phân phối theo lao động và theo cổ phần. Tỷ lệ cụ thể do Đại hội xã viên quyết định.

— Vốn cổ phần được chia lợi nhuận theo quyết định của Đại hội xã viên.

c) **Tổ hợp tác** là đơn vị kinh tế tập thể có nội dung hoạt động tương ứng như hợp tác xã bậc thấp, quy mô nhỏ, có một phần tư liệu sản xuất và vốn bằng tiền là sở hữu tập thể ngày càng phát triển bằng quỹ tích lũy trích từ lợi nhuận.

Phạm vi ngành nghề, quy mô và số lao động tối đa trong tổ hợp tác do Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương quy định cụ thể phù hợp với điều kiện của từng địa phương.

Các tổ, đội sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp, khi tách ra, có thể thành lập tổ hợp tác hoặc hợp tác xã sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Điều 6. — Nhà nước khuyến khích các đơn vị kinh tế tập thể phát triển từ hình thức thấp đến hình thức cao, trên cơ sở phát triển lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, bảo đảm hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng cao hơn. Nhà nước khuyến khích nhiều hợp tác xã tự nguyện liên kết lại thành liên hiệp xã, hoặc liên kết, liên doanh với các cơ sở kinh tế quốc doanh và các đơn vị kinh tế thuộc các thành

phần kinh tế khác, trên cơ sở điều lệ liên kết, liên doanh tự nguyện, có đăng ký và được Nhà nước công nhận.

Điều 7. — Các đơn vị kinh tế tập thể phải có đăng ký kinh doanh mới được phép hoạt động và phải hoạt động đúng ngành, nghề, loại sản phẩm đã đăng ký; nếu có thay đổi phải xin điều chỉnh đăng ký kinh doanh.

Các đơn vị kinh tế tập thể do Ủy ban Nhân dân quận, huyện xét cấp đăng ký kinh doanh. Nếu quy mô lớn thì do Ủy ban Nhân dân quận, huyện xét, đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương duyệt cấp đăng ký kinh doanh.

Điều 8. — Tất cả các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất sản phẩm hàng loạt phải đăng ký chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu sản phẩm với cơ quan đo lường, kiểm tra chất lượng của địa phương. Những mẫu sản phẩm đã đăng ký thì đơn vị sản xuất được giữ bản quyền và có quyền phát hiện, tố giác những kẻ làm hàng giả theo mẫu hàng của đơn vị mình với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. — Chính quyền các cấp có quyền giám sát các đơn vị kinh tế tập thể chấp hành pháp luật và những quy định của Nhà nước, nhưng không được can thiệp vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, không được thu thêm bất cứ một khoản nào ngoài thuế và các khoản thu khác theo Luật định.

Điều 10. — Các đơn vị kinh tế tập thể hoạt động sản xuất kinh doanh trong các ngành, nghề, sản phẩm sau đây phải tuân theo những quy định riêng.

a) **Những ngành, nghề, sản phẩm phải có giấy phép đặc biệt mới được sản xuất kinh doanh.**

Các đơn vị kinh tế tập thể không được hoạt động sản xuất kinh doanh những ngành, nghề, sản phẩm có liên quan đến an ninh quốc gia, an toàn xã hội như sản

xuất, chế biến thuốc nổ, thuốc độc, hóa chất độc, nha phiến, chế tạo vũ khí, phương tiện phát sóng vô tuyến điện và những ngành, nghề, sản phẩm Nhà nước độc quyền kinh doanh như ấn loát, xuất bản, vàng, kim cương, đá quý, rượu, thuốc lá, vận tải quá cảnh, vận tải viễn dương.

Các Bộ chủ quản các ngành sản xuất trên đây ban hành các quy chế cụ thể bảo đảm thực hiện quy định này.

Trường hợp đặc biệt, ngoại lệ phải được Hội đồng Bộ trưởng hoặc cơ quan được Hội đồng Bộ trưởng ủy quyền cho phép.

b) Những ngành, nghề, sản phẩm có các quy chế riêng.

— Các Bộ có trách nhiệm ban hành các quy chế cụ thể về thủ tục và các điều kiện mà các đơn vị kinh tế tập thể phải chấp hành khi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành, nghề, sản phẩm liên quan đến sức khỏe của nhân dân, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên và những vật tư quan trọng của nền kinh tế quốc dân, như:

- Dược phẩm,
- Thực phẩm, nước giải khát,
- Khai thác gỗ, lâm sản, thủy sản, khoáng sản,
- Xây dựng quy mô lớn,
- Vận tải (thủy, bộ) liên tỉnh, đóng tàu,
- Sử dụng điện với công suất lớn,
- Nghề kim hoàn, nghề sửa chữa các máy thông tin điện tử,
- Sản xuất săm lốp ô-tô, săm lốp xe đạp,
- Sản xuất bếp điện, lò sưởi điện, các dụng cụ đo điện và đun nấu bằng điện, dụng cụ điện,
- Sản xuất quạt điện, động cơ điện, xe đạp và phụ tùng xe đạp.

— Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm ban hành những quy chế về thủ tục và các điều kiện mà các đơn vị kinh tế tập thể phải chấp hành, khi hoạt động sản xuất, kinh doanh trong các ngành, nghề, sản phẩm có ảnh hưởng

đến kinh tế — xã hội theo đặc điểm của từng địa phương, như:

- Làm gạch, ngói nung,
- Sử dụng lò hơi trong thành phố,
- Sử dụng nguồn nước và xử lý các chất thải công nghiệp.

Phần II

CÁC CHÍNH SÁCH VỀ VẬT TƯ, TIÊU THỤ SẢN PHẨM, TÀI CHÍNH VÀ TÍN DỤNG

I. VỀ VẬT TƯ, TRANG BỊ KỸ THUẬT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM.

Điều 11. — Tất cả các đơn vị kinh tế tập thể có quyền liên kết, hoặc tự tổ chức khai thác và tận dụng mọi nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, các dạng năng lượng sẵn có trong nước, trên cơ sở chấp hành các quy chế chuyên ngành đã ghi ở điều 10.

Khai thác và tận dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu trong nước là hướng chính để phát triển sản xuất. Nhà nước bằng các chính sách kinh tế, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh tế tập thể ra sức tìm kiếm, khai thác, phát triển cơ sở nguyên liệu trong nước để phát triển sản xuất và sử dụng thay thế nguyên liệu nhập khẩu.

Điều 12. — Các đơn vị kinh tế tập thể không được buôn bán các loại vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý và các loại vật tư do Nhà nước độc quyền kinh doanh. Đối với các loại vật tư này, Bộ Vật tư phải thông báo danh mục cụ thể và hướng dẫn thể thức cho các đơn vị tập thể mua để sản xuất, và bán lại số vật tư không cần dùng.

Điều 13. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền:

Mua vật tư và thiết bị lẻ và bán sản phẩm theo giá thỏa thuận với các tổ chức

kinh doanh của Nhà nước (công ty vật tư, xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, công ty thương nghiệp...), theo đơn hàng, thông qua hợp đồng kinh tế, hoặc theo phương thức đấu thầu. Nhà nước có thể giao cho đơn vị kinh tế tập thể sản xuất những mặt hàng mà kinh tế tập thể sản xuất có hiệu quả hơn các xí nghiệp quốc doanh.

— Gia công, hiệp tác sản xuất với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, và gia công cho các công ty thương nghiệp.

— Liên doanh, liên kết với các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh để có vật tư, thiết bị phát triển sản xuất.

Điều 14. — Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi và ưu tiên cho các đơn vị kinh tế tập thể tăng cường trang bị kỹ thuật, mở rộng sản xuất.

— Các đơn vị kinh tế tập thể có phương hướng sản xuất phù hợp với mục tiêu kế hoạch dài hạn của Nhà nước, được cơ quan quản lý ngành kinh tế kỹ thuật trung ương hoặc Sở công nghiệp tỉnh, thành phố đề nghị, thì có thể được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước giúp đỡ trong việc xây dựng cơ sở sản xuất.

— Các đơn vị kinh tế tập thể được mua của các đơn vị kinh tế quốc doanh những máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải mà các đơn vị này có quyền bán lại.

— Các đơn vị kinh tế tập thể được thuê các tài sản cố định của các đơn vị kinh tế quốc doanh tạm thời chưa sử dụng, hay sử dụng chưa hết công suất, hoặc gia công đặt hàng cho các đơn vị đó.

— Các đơn vị kinh tế tập thể được mua một bộ phận hay toàn bộ cơ sở sản xuất của một đơn vị kinh tế quốc doanh, khi cấp có thẩm quyền quyết định giải thể bộ phận hoặc cả đơn vị kinh tế đó.

Điều 15. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền:

— Dùng ngoại tệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình để hợp đồng với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước đặt mua nguyên liệu, vật tư, thiết bị nhập khẩu.

— Nhận vật tư, thiết bị, ngoại tệ của thân nhân xã viên ở nước ngoài gửi về không hạn chế về số lượng và được ưu đãi về chính sách thuế.

Điều 16. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền:

— Tự do tiêu thụ các sản phẩm ngoài mức hợp đồng mua vật tư bán sản phẩm, hoặc gia công với các tổ chức kinh doanh của Nhà nước và các sản phẩm tự sản xuất khác theo chính sách lưu thông hàng hóa của Nhà nước.

Điều 17. — Việc hiệp tác sản xuất, liên doanh, liên kết, mua bán vật tư, hàng hóa giữa tất cả các đơn vị kinh tế tập thể với nhau, với các đơn vị quốc doanh và các đơn vị kinh tế khác đều phải thể hiện trên hợp đồng kinh tế, đúng chế độ hợp đồng do Nhà nước quy định.

II. VỀ XUẤT NHẬP KHẨU.

Điều 18. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền:

— Chọn tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước để ủy thác xuất sản phẩm, nhập vật tư theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế, có quyền tham gia đàm phán với khách hàng trong và ngoài nước, và hưởng quyền sử dụng ngoại tệ theo chế độ của Nhà nước.

— Bán sản phẩm, mua vật tư, hàng hóa theo hợp đồng kinh tế với tổ chức xuất nhập khẩu của Nhà nước.

Điều 19. — Các đơn vị kinh tế tập thể được chung vốn với tổ chức kinh tế Nhà nước của phía Việt Nam để liên doanh với Việt kiều hoặc người nước ngoài để sản xuất, hoặc gia công hàng xuất khẩu, theo Luật Đầu tư.

Điều 20. — Các đơn vị kinh tế tập thể được tự nguyện gia nhập các tổ chức liên doanh, liên kết sản xuất hàng xuất khẩu. Quyền lợi và nghĩa vụ các đơn vị tham gia liên doanh, liên kết phải theo đúng hợp đồng kinh tế hoặc quy chế của tổ chức liên doanh, liên kết đó.

9965310
Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com
LAWSON

III. VỀ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG

Điều 21. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền vay vốn hoặc huy động vốn dưới hình thức cổ phần trong nhân dân để phát triển sản xuất kinh doanh. Người cho vay và người góp vốn được chia lãi theo thể thức và tỷ lệ do Đại hội xã viên quyết định.

Điều 22. — Nhà nước cho phép các đơn vị kinh tế tập thể vay vốn của thân nhân xã viên ở nước ngoài gửi qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và được phép trả khoản vay đó bằng nguồn ngoại tệ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của đơn vị hoặc bằng hàng hóa được phép xuất khẩu.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy chế cụ thể về vấn đề này.

Điều 23. — Các đơn vị kinh tế tập thể sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp, xây dựng, vận tải có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh, đầy đủ chính sách thuế công thương nghiệp của Nhà nước với những bổ sung, sửa đổi mới được quy định trong Pháp lệnh ngày 17-11-1987 của Hội đồng Nhà nước và Nghị định số 9-HĐBT ngày 30-1-1988 của Hội đồng Bộ trưởng.

Bộ Tài chính hướng dẫn ngành thuế địa phương cách tính toán, công khai mức thuế phải nộp cho từng cơ sở sản xuất, giúp đỡ cơ sở thực hiện đúng chế độ kế toán hiện hành. Chống mọi biểu hiện tiêu cực trốn thuế, lậu thuế trong tính thuế, thu thuế và gây phiền hà cho cơ sở nộp thuế.

Điều 24. — Sau khi hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, các đơn vị kinh tế tập thể tự quyết định phân phối và sử dụng thu nhập phù hợp với điều lệ của đơn vị. Trong đó:

— Các khoản trích nộp cho liên hiệp hợp tác xã cấp trên, tỷ lệ trích nộp và mục tiêu sử dụng các khoản đó do Đại hội đại biểu của Liên hiệp hợp tác xã quyết định và kiểm tra việc thực hiện.

— Các loại quỹ của đơn vị kinh tế tập thể, tỷ lệ trích lập các quỹ đó do Đại hội xã viên quyết định và kiểm tra việc thực hiện.

Điều 25. — Các đơn vị kinh tế tập thể được tự chọn cơ sở Ngân hàng thuận lợi

nhất trong phạm vi tỉnh, thành phố để mở tài khoản. Nhưng cùng một thời gian chỉ được có tài khoản tại một Ngân hàng.

Các đơn vị kinh tế tập thể đều được tạo điều kiện thuận lợi thanh toán qua Ngân hàng dưới mọi hình thức, được rút tiền mặt từ tài khoản của đơn vị ở Ngân hàng và được vay Ngân hàng để phát triển sản xuất theo điều kiện tín dụng của Ngân hàng.

Phần III

CHÍNH SÁCH KHOA HỌC KỸ THUẬT

Điều 26. — Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền hợp đồng với các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật, các trường đại học dưới nhiều hình thức, đề nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học kỹ thuật trong sản xuất. Thủ trưởng cơ quan khoa học kỹ thuật ký hợp đồng hợp tác phải chịu trách nhiệm bảo đảm không bị lộ bí mật quốc gia và những bí mật kỹ thuật chưa được phép phổ biến.

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có trách nhiệm ban hành quy chế cụ thể và hướng dẫn thực hiện.

Điều 27. — Các sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, sản phẩm xuất khẩu của khu vực kinh tế tập thể được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước như các sản phẩm tương ứng của khu vực quốc doanh.

Điều 28. — Những thành tựu khoa học kỹ thuật của hợp tác xã và xã viên, được đăng ký với cơ quan chức năng của Nhà nước, để được giữ bản quyền, được Nhà nước xét khen thưởng theo quy chế chung về phát minh, sáng chế và được các đơn vị sử dụng đãi ngộ theo chế độ Nhà nước.

Điều 29. — Những người tốt nghiệp đại học, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật do Nhà nước đào tạo mà Nhà nước chưa bố trí được việc làm được

khuyến khích vào làm việc trong các đơn vị kinh tế tập thể. Các đơn vị kinh tế tập thể có quyền gửi người đi đào tạo hoặc bồi dưỡng học tập nâng cao trình độ trong các trường của Nhà nước theo quy chế của Bộ Đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Điều 30. — Các đơn vị kinh tế tập thể có sản phẩm xuất khẩu có thể gửi người đi nghiên cứu thị trường và đào tạo về kỹ thuật ở nước ngoài, thông qua hợp đồng và kế hoạch của đơn vị nhận ủy thác xuất nhập khẩu, tự chịu mọi chi phí.

Phần IV

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG VÀ XÃ HỘI

Điều 31. — Các đơn vị kinh tế tập thể phải thực hiện Luật Lao động của Nhà nước và quy chế cụ thể về thuê, sử dụng, đãi ngộ người lao động, an toàn, bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường do Bộ Lao động — Thương binh và xã hội ban hành theo đúng Nghị định này.

Điều 32. — Các đơn vị kinh tế tập thể được tuyển chọn, kết nạp xã viên mới theo quyết định của Đại hội xã viên, được thuê lao động hợp đồng và phải chấp hành chế độ quản lý hộ khẩu của Nhà nước.

Điều 33. — Các chế độ bảo hiểm xã hội trong khu vực kinh tế tập thể thực hiện theo Điều lệ của Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp Trung ương và tùy khả năng của từng hợp tác xã. Liên hiệp xã tiểu thủ công nghiệp Trung ương hướng dẫn và tổ chức việc theo dõi giúp đỡ để không ngừng nâng cao khả năng đáp ứng tài chính của quỹ này về các chế độ hưu trí, trợ cấp thai sản, ốm đau, tạm thời mất sức lao động... trên cơ sở tự lực.

Người lao động trong các đơn vị kinh tế tập thể được hưởng thụ các phúc lợi công cộng của toàn dân.

Phần V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. — Những quy định này được thi hành thống nhất trong toàn quốc.

Mọi quy định đã có trước đây do Hội đồng Bộ trưởng hoặc Ủy ban Nhân dân các cấp ban hành trái với các quy định này đều bãi bỏ.

Điều 35. — Các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng có liên quan, Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương căn cứ vào quy định này để cụ thể hóa thành các quy chế, các chế độ thuộc phạm vi mình phụ trách và hướng dẫn thực hiện.

Bộ Xây dựng, Bộ Giao thông vận tải có quy định cụ thể để vận dụng quy định này phù hợp với điều kiện và đặc điểm riêng của ngành mình.

Các cơ quan tuyên truyền có trách nhiệm phổ biến rộng rãi, làm cho quần chúng hiểu đúng chủ trương chính sách mới và tích cực hưởng ứng.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

Chủ tịch

PHẠM HÙNG

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 29-HĐBT ngày 9-3-1988 ban hành bản Quy định về chính sách đối với kinh tế gia đình trong hoạt động sản xuất và dịch vụ sản xuất.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Đề thể chế hời các chủ trương mới đã nêu trong Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Hội nghị lần thứ II Ban Chấp hành Trung